

CÔNG TY CP VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI
Số 189 đường đi Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2014

Tháng 07 năm 2014

MỤC LỤC

STT	Nội dung	Trang
-	<i>Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2014</i>	<i>1-2</i>
-	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý II năm 2014</i>	<i>3</i>
-	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Quý II năm 2014</i>	<i>4</i>
-	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính Quý II năm 2014</i>	<i>5-23</i>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		41,177,276,965	44,754,921,661
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		6,781,033,681	8,537,301,384
1. Tiền	111	V.1	6,781,033,681	8,537,301,384
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	12,800,000,000	16,059,500,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		12,800,000,000	16,059,500,000
III. Các khoản phải thu	130		10,264,796,290	6,611,223,497
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	1,707,435,487	2,639,055,071
2. Trả trước cho người bán	132	V.4		100,000,000
3. Các khoản phải thu khác	138	V.5	8,557,360,803	3,872,168,426
IV. Hàng tồn kho	140		4,836,144,606	4,836,144,606
1. Hàng tồn kho	141	V.6a	5,473,524,606	5,473,524,606
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	V.6b	(637,380,000)	(637,380,000)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6,495,302,388	8,710,752,174
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	152	V.7	420,255,217	309,668,935
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	154	V.8		18,100,727
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		6,075,047,171	8,382,982,512
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		161,029,151,063	162,844,977,388
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		7,423,150,874	8,144,636,264
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	7,423,150,874	8,144,636,264
- Nguyên giá	222		13,963,286,755	13,963,286,755
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(6,540,135,881)	(5,818,650,491)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		153,230,120,074	154,195,120,074
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.10	128,595,120,074	128,595,120,074
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	24,635,000,000	25,600,000,000
V. Tài sản dài hạn khác	260		375,880,115	505,221,050
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	375,880,115	505,221,050
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		202,206,428,028	207,599,899,049

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: Đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		20,064,164,098	21,349,330,143
I. Nợ ngắn hạn	310		19,759,164,100	20,999,330,143
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	15,887,879,202	16,951,737,376
2. Phải trả người bán	312	V.14	1,087,723,041	1,554,790,974
3. Người mua trả tiền trước	313	V.15	679,386,353	679,386,353
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	518,766,561	263,720,730
5. Phải trả công nhân viên	315		107,565,245	83,557,520
6. Chi phí phải trả	316		171,991,500	20,333,333
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.17	1,147,969,811	1,403,081,790
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		157,882,387	42,722,067
II. Nợ dài hạn	320		304,999,998	350,000,000
1. Vay và nợ dài hạn	323	V.18		
2. Phải trả dài hạn khác	324	V.19	304,999,998	350,000,000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		182,142,263,930	186,250,568,906
I. Vốn chủ sở hữu	410		182,142,263,930	186,250,568,906
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.20	128,700,000,000	128,700,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9,615,359,500	9,615,359,500
3. Cổ phiếu ngân quỹ (*)	414		(2,524,789,900)	(2,524,789,900)
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		337,506,100	225,534,038
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		46,014,188,230	50,234,465,268
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		202,206,428,028	207,599,899,049

Người lập



Nguyễn Thu Thủy

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Thủy

Hải Phòng, ngày 30 tháng 07 năm 2014

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Bùi Chí Hùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
QUÝ II NĂM 2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.21	6,679,866,352	6,723,746,983	12,815,756,081	11,714,737,338
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	03				-	-
+ Hàng bán bị trả lại					-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		6,679,866,352	6,723,746,983	12,815,756,081	11,714,737,338
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.22	5,674,746,142	6,225,032,892	10,889,501,115	10,262,105,909
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1,005,120,210	498,714,091	1,926,254,966	1,452,631,429
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.23	7,163,969,837	8,184,580,998	12,926,224,959	14,521,115,525
7 Chi phí tài chính	22	VI.24	295,302,705	416,302,644	610,850,057	467,255,215
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		295,302,705	416,302,644	610,850,057	467,255,215
8 Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		710,374,828	613,314,280	1,400,585,255	1,296,128,289
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7,163,412,514	7,653,678,165	12,841,044,613	14,210,363,450
11 Thu nhập khác	31				-	-
12 Chi phí khác	32				-	-
13 Lợi nhuận khác	40				-	-
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7,163,412,514	7,653,678,165	12,841,044,613	14,210,363,450
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.25	209,311,701	181,693,129	410,484,745	238,926,181
16 Chi phí thuế TNDN giảm						-
17 Chi phí thuế TNDN phải nộp	52		-	-		-
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6,954,100,813	7,471,985,036	12,430,559,868	13,971,437,269

Người lập



Nguyễn Thu Thủy

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Thủy



Hải Phòng, ngày 30 tháng 07 năm 2014

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bùi Chí Hùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
cho kỳ kế toán từ ngày 01-01-2014 đến ngày 30-06-2014

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	14,223,684,566	11,907,349,445
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(5,864,398,289)	(13,578,406,629)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(640,102,465)	(542,709,306)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(627,183,390)	(75,533,271)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(461,815,774)	(184,251,833)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	24,194,198,183	33,757,680,174
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(26,133,482,865)	(33,455,176,841)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	4,690,899,966	(2,171,048,261)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(7,000,000)	(11,604,545)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(4,250,000,000)	(29,229,982,453)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	8,474,500,000	20,863,710,728
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8,633,912,360	19,323,749,162
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	12,851,412,360	10,945,872,892
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	800,000,000	5,005,167,510
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(7,399,064,165)	(8,634,562,772)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(12,699,515,864)	(6,822,501,025)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(19,298,580,029)	(10,451,896,287)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(1,756,267,703)	(1,677,071,656)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	8,537,301,384	4,914,169,156
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	6,781,033,681	3,237,097,500

Hải Phòng, ngày 30 tháng 07 năm 2014

Người lập



Nguyễn Thu Thủy

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Thủy



Bùi Chí Hùng

I. Thông tin doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ Phần số 0200793081 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng ngày 14 tháng 03 năm 2008, đăng ký thay đổi gần nhất lần thứ 9, ngày 11 tháng 10 năm 2013. Theo đó;

Trụ sở chính của Công ty: Số 189, đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng
Vốn điều lệ của Công ty: 128.700.000.000 đồng
Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 47/2009/GCNCP-VSD do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp ngày 01/09/2009, thay đổi lần thứ 1 ngày 24/02/2010, thay đổi lần thứ 2 ngày 10/03/2011. Theo đó, ngày ngày 27/02/2012 là ngày giao dịch đầu tiên tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh : Thương mại, dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết : Vận tải hàng hóa bằng ô tô, xe container.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Sửa chữa máy móc thiết bị. Chi tiết : Dịch vụ sửa chữa bảo dưỡng máy móc thiết bị (không bao gồm tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết : Dịch vụ thông quan; Vận tải đa phương thức (không bao gồm kinh doanh vận chuyển hàng không và kinh doanh hàng không chung; Dịch vụ Logistics; Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô có động cơ khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết : bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (bao gồm cho thuê văn phòng, nhà xưởng)
- Sản xuất thân xe có động cơ, rơ móc và bán rơ mooc;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương
- Vận tải hàng hóa đường sắt
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết : Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết : Cho thuê máy móc, thiết bị xếp dỡ hàng hoá ; Cho thuê container ;
- Cho thuê xe có động cơ.

Công ty có các Công ty con sau :

• **Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải**

Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200183294 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 18 tháng 6 năm 1997, đăng ký thay đổi lần thứ 7, ngày 15 tháng 10 năm 2013. Theo đó:

Vốn điều lệ : 20.700.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Km 104+ 200 Nguyễn Bình Khiêm, Đông Hải, Hải Phòng.

Hoạt động kinh doanh chính là Cho thuê kho bãi, văn phòng, lưu giữ hàng hóa, làm thủ tục thông quan.

Công ty nắm giữ 99,68% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 30/06/2014.

• **Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ**

Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2600336943 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp ngày 29 tháng 9 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 6, ngày 29 tháng 05 năm 2014. Theo đó:

Vốn điều lệ : 6.500.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Khu công nghiệp Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Hoạt động kinh doanh chính là Cho thuê kho bãi, văn phòng, lưu giữ hàng hóa.

Công ty nắm giữ 100,00% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 30/06/2014.

• **Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải**

Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200663942 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 21 tháng 03 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 7, ngày 22 tháng 05 năm 2014. Theo đó:

Vốn điều lệ : 10.800.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Số 189, đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

Hoạt động kinh doanh chính là Kinh doanh vận tải đường bộ, sửa chữa bảo dưỡng máy móc phương tiện vận tải.

Công ty nắm giữ 99,35% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 30/06/2014.

• **Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Duyên Hải**

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200644957 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký thay đổi lần 10 ngày 22 tháng 05 năm 2014. Theo đó:

Vốn điều lệ : 20.000.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Số 189, đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

Hoạt động kinh doanh chính là Cho thuê kho bãi, văn phòng sửa chữa bảo dưỡng máy móc phương tiện vận tải.

Công ty nắm giữ 99% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 30/06/2014.

• **Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội**

Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102805652 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 04 tháng 07 năm 2008, đăng ký thay đổi lần 6 ngày 28 tháng 05 năm 2014. Theo đó;

Vốn điều lệ : 2.520.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : P212, Nhà N3A, đường Lê Văn Lương, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu là Bán buôn nước hoa, mỹ phẩm, các dịch vụ vận tải khác. Dịch vụ kho bãi.

Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 30/06/2014.

• **Công ty TNHH Container Minh Thành**

Công ty TNHH Container Minh Thành (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0200667880 do Sở kế hoạch & Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 10 tháng 04 năm 2006, thay đổi lần thứ 6 ngày 15 tháng 10 năm 2013. Theo đó;

Vốn điều lệ : 24.000.000.000 đồng
Trụ sở đăng ký tại : Số 189, đường Đinh Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng.
Hoạt động kinh doanh chủ yếu là Cho thuê kho bãi, nhà hàng, lưu giữ hàng hóa.
Công ty nắm giữ 75,83% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 30/06/2014.

• **Công ty TNHH Thời trang Mỹ phẩm Duyên Hải**

Công ty TNHH Thời trang và Mỹ phẩm Duyên Hải (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0201129229 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 11 năm 2011, thay đổi lần thứ 2 ngày 04 tháng 09 năm 2013. Theo đó;

Vốn điều lệ : 999.000.000 đồng
Trụ sở đăng ký tại : Số 189, đường Đinh Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng.
Hoạt động kinh doanh chính là Bán buôn, lẻ nước hoa, mỹ phẩm, nhà hàng.
Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 30/06/2014.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm..
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (Ký hiệu là đồng).

III. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“ VND ”), phù hợp với Chế độ kế toán Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành kèm theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 4);
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 5);

2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

1.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Tại thời điểm cuối năm tài chính các khoản mục tiền, công nợ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên Ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ, công nợ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

1.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình: Tài sản cố định được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được hạch toán theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình: Khấu hao TSCĐ hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 và được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	06 – 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08 năm

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

5.1. Nguyên tắc ghi nhận

Đầu tư vào Công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ giá trị đầu tư.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này, bao gồm:

Chi phí trả trước ngắn hạn: Là các loại chi phí trả trước nếu chi liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí trả trước dài hạn: Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần là giá trị chênh lệch giữa giá bán và mệnh giá cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu.

10.1. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

10.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

10.3. Doanh thu hoạt động tài chính:

Tiền lãi:

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức:

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

12. Nguyên tắc ghi nhận Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và các loại thuế khác.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại

Được tính trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2014 là 22%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế GTGT được kê khai và hạch toán theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định hiện hành của Nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.

1	Tiền và các khoản tương đương tiền	ĐVT: đồng
	30/06/2014	31/12/2013
	1,363,292,259	715,221,852
	5,417,741,422	7,822,079,532
	6,781,033,681	8,537,301,384
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	30/06/2014
	Đầu tư ngắn hạn khác	31/12/2013
	7,900,000,000	7,559,500,000
	4,900,000,000	7,000,000,000
	1,500,000,000	1,500,000,000
	12,800,000,000	16,059,500,000
<p>(1). Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải theo Hợp đồng cho vay số 01/HDCV/2013 ngày 02 tháng 01 năm 2013, lãi suất vay 8%/năm. Công ty con dùng khoản vay này để đầu tư mua sắm bổ sung phương tiện vận tải.</p> <p>(2). Khoản đầu tư vào Công ty TNHH sản xuất và thương mại Duyên Hải theo Hợp đồng cho vay số 02/HDCVV/2013 ngày 02 tháng 01 năm 2013, lãi suất vay 8%/năm. Công ty con dùng khoản vay này để đầu tư, xây mới Trung tâm bảo hành, xưởng sửa chữa, văn phòng làm việc.</p> <p>(3). Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Container Minh Thành theo Hợp đồng cho vay số 03/HDCV/2013 ngày 02 tháng 01 năm 2013, lãi suất vay 8%/năm. Công ty con dùng khoản vay này để đầu tư, sửa chữa bãi container, kê hồ sinh thái.</p>		
3	Phải thu khách hàng	30/06/2014
	3.1 Phải thu các bên liên quan	31/12/2013
	322,773,322	663,926,992
	1,384,662,165	1,975,128,079
	1,707,435,487	2,639,055,071
4	Trả trước cho người bán	30/06/2014
	Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán Hà Nội	31/12/2013
	-	100,000,000
	-	100,000,000
5	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	30/06/2014
	5.1 Phải thu khác của các bên liên quan	31/12/2013
	377,595,056	216,093,087
	58,666,667	59,755,556
	127,148,500	34,933,333
	58,916,000	-
	132,863,889	121,404,198

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

5.2	Phải thu lợi nhuận của các Công ty con	8,086,516,972	3,562,789,198
	Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	660,117,815	68,804,816
	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	1,829,819,748	2,135,163,327
	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	4,388,916,149	309,545,441
	Công ty TNHH Container Minh Thành	933,923,021	664,009,899
	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	273,740,239	385,265,715
	Công ty TNHH Thời Trang Mỹ Phẩm Duyên Hải		
5.3	Phải thu đối tượng khác	93,248,775	93,286,141
	Phải thu khác của cán bộ nhân viên	93,248,775	93,286,141
	Cộng	8,557,360,803	3,872,168,426
6a	Hàng tồn kho	30/06/2014	31/12/2013
	Hàng tồn kho	5,473,524,606	5,473,524,606
	Cộng	5,473,524,606	5,473,524,606
6b	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	30/06/2014	31/12/2013
	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(637,380,000)	(637,380,000)
	Cộng	(637,380,000)	(637,380,000)
7	Chi phí trả trước ngắn hạn	30/06/2014	31/12/2013
	Chi phí trả trước ngắn hạn	420,255,217	309,668,935
	Cộng	420,255,217	309,668,935
8	Thuế GTGT được khấu trừ	30/06/2014	31/12/2013
	Thuế GTGT được khấu trừ		18,100,727
	Cộng	-	18,100,727
9	Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình <Phụ lục 01>		
10	Các khoản đầu tư vào Công ty con	30/06/2014	31/12/2013
	- Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	14,503,099,339	14,503,099,339
	- Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	32,867,444,563	32,867,444,563
	- Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	45,655,576,172	45,655,576,172
	- Công ty TNHH MTV VT Đa PT Duyên Hải Hà Nội	2,520,000,000	2,520,000,000
	- Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	6,500,000,000	6,500,000,000
	- Công ty TNHH Container Minh Thành	25,550,000,000	25,550,000,000
	- Công ty TNHH Thời trang mỹ phẩm Duyên Hải	999,000,000	999,000,000
	Cộng	128,595,120,074	128,595,120,074
11	Đầu tư dài hạn khác	30/06/2014	31/12/2013
	Công ty TNHH MTV vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội (1)	9,600,000,000	10,600,000,000
	Công ty TNHH Container Minh Thành (2)	15,035,000,000	15,000,000,000
	Cộng	24,635,000,000	25,600,000,000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

(1). Khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội theo Hợp đồng cho vay số 05/HDCV/2013 ngày 02 tháng 01 năm 2013, lãi suất vay 8%/năm. Công ty TNHH MTV vận tải đa phương thức Duyên Hải Hà Nội dùng khoản vay này để thanh toán mua xe container.

(2). Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Container Minh Thành theo Hợp đồng cho vay số 10/HDCVV/2013 ngày 10 tháng 12 năm 2013, lãi suất vay 10%/năm. Công ty con dùng nguồn vay này để sửa chữa, nâng cấp bãi và thanh toán khoản nợ đến hạn của cá nhân.

12	Chi phí trả trước dài hạn	30/06/2014	31/12/2013
	Chi phí sửa chữa xe nâng số 5	334,001,250	445,335,000
	Chi phí trả trước dài hạn khác	41,878,865	59,886,050
	Cộng	375,880,115	505,221,050
13	Vay và nợ ngắn hạn	30/06/2014	31/12/2013
	Vay ngắn hạn		
a.	<i>Ngân hàng</i>	1,037,879,202	2,051,737,376
	Ngân hàng TMCP ĐT & PT VN - CN Đông Hải Phòng (1*)	1,037,879,202	2,051,737,376
b.	<i>Khoản vay khác</i>	13,250,000,000	13,900,000,000
	Công ty TNHH vận tải Duyên Hải (2*)	13,250,000,000	13,900,000,000
c.	<i>Khoản vay cá nhân(3*)</i>	1,600,000,000	1,000,000,000
	Cộng	15,887,879,202	16,951,737,376

(*). Theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 2285181.001/2012/HĐTD ngày 26/12/2012 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Hải Phòng và Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải lãi suất vay được áp dụng theo từng thời điểm. Tài sản thế chấp cho khoản vay này là 10 xe Ô tô đầu kéo, rơ moóc nhãn hiệu Hải Âu và 01 xe nâng Konecraines số 05.

(2*). Khoản vay của Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải theo Hợp đồng vay vốn số 01/HDCVV/2013 ngày 02 tháng 01 năm 2013, lãi suất vay 8%/năm.

(3*). Khoản vay của cá nhân, lãi suất 11%/năm, vay bằng tín chấp

14	Phải trả người bán	30/06/2014	31/12/2013
14.1	<i>Phải trả các bên liên quan</i> (xem phần thuyết minh BCTC mục 29)	1,050,511,926	1,483,953,740
14.2	<i>Phải trả thương mại</i>	37,211,115	70,837,234
	Cộng	1,087,723,041	1,554,790,974
15	Người mua trả tiền trước	30/06/2014	31/12/2013
	CN Công ty TNHH Shipco Transport VN tại HP	22,386,353	22,386,353
	Công ty TNHH vận tải Duyên Hải	657,000,000	657,000,000
	Cộng	679,386,353	679,386,353
16	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	30/06/2014	31/12/2013
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	209,311,701	260,642,730

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

Thuế thu nhập cá nhân	272,936,750	3,078,000
Thuế GTGT đầu ra	36,518,110	
Cộng	518,766,561	263,720,730
17 Các khoản phải trả phải nộp khác	30/06/2014	31/12/2013
<i>17.1 Phải trả phải nộp các bên liên quan</i>	<i>88,333,333</i>	<i>84,333,333</i>
Công ty TNHH vận tải Duyên Hải	88,333,333	84,333,333
<i>17.2 Phải trả phải nộp khác</i>	<i>1,059,636,478</i>	<i>1,318,748,457</i>
Thuế TNCN, BHXH, BHYT	6,065,280	5,477,520
Phải trả khác	244,657,472	533,626,323
Doanh thu chưa thực hiện	295,849,161	295,849,299
Phải trả cổ tức	477,434,950	445,521,350
Các đối tượng khác	35,629,615	38,273,965
Cộng	1,147,969,811	1,403,081,790
19 Phải trả dài hạn khác	30/06/2014	31/12/2013
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	304,999,998	350,000,000
Cộng	304,999,998	350,000,000
20 Vốn chủ sở hữu		
a. Bảng đối chiếu vốn chủ sở hữu <Phụ lục số 02>		
b. Chi tiết nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu	30/06/2014	31/12/2013
Vốn góp của Cổ đông sáng lập	17,948,200,000	78,938,100,000
Vốn góp của cổ đông khác	29,683,770,000	8,206,170,000
Vốn góp của Cổ đông ngoài	81,068,030,000	41,555,730,000
Cộng	128,700,000,000	128,700,000,000
c. Cổ phiếu	30/06/2014	31/12/2013
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12,870,000	12,870,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12,620,000	12,620,000
Cổ phiếu phổ thông	12,620,000	12,620,000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	250,000	250,000
Cổ phiếu phổ thông	250,000	250,000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12,620,000	12,620,000
Cổ phiếu phổ thông	12,620,000	12,620,000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng Việt Nam/cổ phiếu		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

21	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Đơn vị tính: đồng	
		Quý II năm 2014	Quý II năm 2013
	- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ:</i>		
	+ Doanh thu Shipline	393,145,234	517,302,710
	+ Doanh thu khai thác CFS	1,259,795,468	1,696,123,660
	+ Doanh thu bãi	2,137,044,593	415,052,829
	+ Doanh thu vận tải	251,260,036	334,101,362
	+ Doanh thu thương mại, dịch vụ	2,638,621,021	3,761,166,422
	Cộng	6,679,866,352	6,723,746,983
22	Giá vốn dịch vụ:	Quý II năm 2014	Quý II năm 2013
	+ Giá vốn Shipline	393,154,912	517,302,208
	+ Giá vốn khai thác CFS	1,259,795,470	1,696,123,572
	+ Giá vốn bãi	2,130,715,507	355,252,830
	+ Giá vốn vận tải	183,829,089	276,144,546
	+ Giá vốn thương mại, dịch vụ	1,707,251,164	3,380,209,736
	Cộng	5,674,746,142	6,225,032,892
23	Doanh thu hoạt động tài chính	Quý II năm 2014	Quý II năm 2013
	- Lãi tiền gửi ngân hàng	7,771,362	7,553,155
	- Lợi nhuận được chia từ các công ty con	6,211,995,693	6,926,905,649
	- Chênh lệch tỷ giá	27,782	4,364,516
	- Lãi cho vay theo HĐ	944,175,000	1,245,757,678
	Cộng	7,163,969,837	8,184,580,998
24	Chi phí hoạt động tài chính	Quý II năm 2014	Quý II năm 2013
	- Chênh lệch tỷ giá	-	-
	- Chi phí lãi vay ngân hàng	12,600,761	24,580,700
	- Chi phí lãi vay ngoài, vay nội bộ	282,701,944	391,721,944
	Cộng	295,302,705	416,302,644
25	Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Quý II năm 2014	Quý II năm 2013
	1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7,163,412,514	7,653,678,165
	2. Các khoản thu nhập không tính vào thu nhập chịu thuế	6,211,995,693	6,926,905,649
	3. Các khoản chi phí không được giảm trừ vào thu nhập chịu thuế		
	4. Số thu nhập chịu thuế TNDN trong kỳ (4=1-2+3)	951,416,821	726,772,516
	5. Thuế suất thuế TNDN	22%	25%
	6. Chi phí thuế TNDN hiện hành (6=5*4)	209,311,701	181,693,129
	7. Thuế TNDN phải nộp quý2/2014(7=6)	209,311,701	181,693,129

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

27 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Quý II năm 2014	Quý II năm 2013
Chi phí nguyên liệu, vật liệu		0
Chi phí nhân công		
Chi phí khấu hao TSCĐ	401,118,186	346,644,381
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5,273,627,956	5,878,388,511
Chi phí bằng tiền khác		
Cộng	5,674,746,142	6,225,032,892

28 Một số chỉ tiêu cơ bản	Tại ngày 30/06/2014
a. Bố trí cơ cấu tài sản:	
- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản (%)	80%
- Tài sản lưu động/ Tổng tài sản (%)	20%
b. Tỷ suất sinh lợi:	
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu (%)	89%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu (%)	3%
c. Tình hình tài chính:	
- Tỷ lệ nợ phải trả / Tổng tài sản	10%
- Tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn/ Tổng tài sản (%)	10%
- Tỷ lệ đầu tư tài sản cố định trên vốn chủ sở hữu (Tổng giá trị còn lại của TSCĐ/ Tổng vốn chủ sở hữu)	4%

29 Nghiệp vụ với các bên liên quan
Danh sách các bên liên quan đã có giao dịch trong kỳ với Công ty:

TT Tên tổ chức/ Cá nhân	Mối quan hệ
1 Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Công ty con
2 Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	Công ty con
3 Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Công ty con
4 Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Công ty con
5 Công ty TNHH MTV vận tải Đa PT Duyên Hải Hà Nội	Công ty con
6 Công ty TNHH Thời Trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	Công ty con
7 Công ty TNHH Container Minh Thành	Công ty con

Những giao dịch chủ yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ (từ 01-01-2014 đến 30-06-2014) gồm;

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền (đồng)
TT Doanh thu		
1 Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Doanh thu dịch vụ	1,103,126,317
2 Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	Doanh thu dịch vụ	41,823,008
3 Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Doanh thu dịch vụ	1,301,789,663
4 Công ty TNHH Vtải Duyên Hải Phú Thọ	Doanh thu dịch vụ	50,189,306
5 Công ty TNHH t/trang mỹ phẩm Duyên Hải	Doanh thu dịch vụ	
6 Công Ty TNHH Container Minh Thành	Doanh thu dịch vụ	1,452,379,613
7 Cty TNHH MTVVT ĐPT Duyên Hải Hà Nội	Doanh thu dịch vụ	3,981,058
Cộng		3,953,288,965

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

TT Giá vốn		Số tiền (đồng)
1	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Giá vốn dịch vụ 4,193,687,507
2	Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	Giá vốn dịch vụ 2,398,525,743
3	Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Giá vốn dịch vụ 318,055,000
Cộng		6,910,268,250

TT Doanh thu hoạt động tài chính			Số tiền (đồng)
1	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Lợi nhuận được chia	1,719,351,110
2	Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	Lợi nhuận được chia	1,791,297,227
3	Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Lợi nhuận được chia	646,220,598
4	Công ty TNHH Vtải Duyên Hải Phú Thọ	Lợi nhuận được chia	5,559,805,009
5	Công ty TNHH t/trang mỹ phẩm Duyên Hải	Lợi nhuận được chia	-
6	Công Ty TNHH Container Minh Thành	Lợi nhuận được chia	1,258,530,920
Cộng			10,975,204,864

Số dư giao dịch với các bên liên quan

-Đầu tư ngắn hạn khác	Mối quan hệ	Tai ngày 30/06/2014
Công ty TNHH vận tải đường bộ Duyên Hải	Công ty con	7,900,000,000
Công ty TNHH sản xuất và thương mại Duyên Hải	Công ty con	4,900,000,000
Công ty TNHH Container Minh Thành	Công ty con	-
Cộng		12,800,000,000

-Các khoản phải thu	Mối quan hệ	Tai ngày 30/06/2014
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Công ty con	193,999
Công ty TNHH vận tải đường bộ Duyên Hải	Công ty con	205,333,334
Công ty TNHH sản xuất và thương mại Duyên Hải	Công ty con	600,000
Công ty TNHH t/trang mỹ phẩm Duyên Hải	Công ty con	116,645,989
Công ty TNHH Container Minh Thành	Công ty con	-
Cộng		322,773,322

-Các khoản phải thu khác		Tai ngày 30/06/2014
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Công ty con	58,916,000
Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Công ty con	58,666,667
Công ty TNHH sản xuất và thương mại Duyên Hải	Công ty con	127,148,500
Công ty TNHH Container Minh Thành	Công ty con	132,863,889
Công ty TNHH Thời Trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	Công ty con	-
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Công ty con	-
Cộng		377,595,056

- Đầu tư dài hạn khác		Tai ngày 30/06/2014
Công ty TNHH Container Minh Thành	Công ty con	15,035,000,000
Công ty TNHH Vận tải Đa phương thức Duyên Hải HN	Công ty con	9,600,000,000
Cộng		24,635,000,000

- Phải trả người bán		Tai ngày 30/06/2014
Công ty TNHH vận tải Duyên Hải	Công ty con	635,370,104
Công ty TNHH sản xuất và thương mại Duyên Hải	Công ty con	352,881,822

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Công ty con	62,260,000
<i>Cộng</i>		1,050,511,926
-Người mua trả tiền trước		<u>Tai ngày 30/06/2014</u>
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải		657,000,000
<i>Cộng</i>		657,000,000
=Vay ngắn hạn		<u>Tai ngày 30/06/2014</u>
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải		13,250,000,000
<i>Cộng</i>		13,250,000,000

30 Quản trị rủi ro tài chính.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả phải nộp khác. Mục đích của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay và các khoản phải thu khác, tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua của các công cụ này.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có 4 loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi và các khoản đầu tư.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến nghĩa vụ nợ dài hạn có lãi suất thả nổi của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu là đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính bao gồm cả tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, quy trình và thủ tục kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư trong tài khoản tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với khoản mục trên Bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập Báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ đã được trình bày ở trên và Công ty nhận thấy rủi ro tín dụng đối với khoản mục này là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp phải khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty thực hiện giám sát rủi ro thanh khoản thông qua duy trì một lượng tiền mặt và các khoản vay ngân hàng mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng các hoạt động của Công ty, để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Tài sản đảm bảo (Xem Mục 16, phần Thuyết minh).

31 Công cụ tài chính (Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính)

Đơn vị tính: đồng

Công ty chưa tiến hành xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính do chưa có hướng dẫn cụ thể từ cơ quan quản lý. Bảng dưới đây sẽ trình bày giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ Tại ngày 30/06/2014
Tài sản tài chính	
Tiền và các khoản tương đương tiền	6,781,033,681
Đầu tư ngắn hạn khác	12,800,000,000
Phải thu khách hàng	1,707,435,487
Phải thu khác	8,557,360,803
Cộng	29,845,829,971
	Giá trị ghi sổ Tại ngày 30/06/2014
Nợ phải trả tài chính	
Ngắn hạn	18,123,572,054
Vay và nợ ngắn hạn	15,887,879,202
Phải trả người bán	1,087,723,041
Các khoản phải trả phải nộp khác	1,147,969,811
Dài hạn	304,999,998
Phải trả dài hạn khác	304,999,998
Vay và nợ dài hạn	-
Cộng	18,428,572,052

VII Thông tin bổ sung cho các khoản mục trên báo cáo Lưu chuyển tiền tệ (Đơn vị tính: đồng)

32 Một số chỉ tiêu cần được cần giải thích trên thuyết minh báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

a. **Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được**

Giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

	<u>Từ 01/01/2014</u> <u>đến 30/06/2014</u>	<u>Từ 01/01/2013</u> <u>đến 30/06/2013</u>
Vay để trả trực tiếp cho người cung cấp dịch vụ	105,600,000	725,399,354
Vay để trả cho các Công ty con	5,429,605,991	
Cộng	5,535,205,991	725,399,354
b. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	<u>Từ 01/01/2014</u> <u>đến 30/06/2014</u>	<u>Từ 01/01/2013</u> <u>đến 30/06/2013</u>
Trong đó:		
<i>Lợi nhuận được chia từ các công ty con</i>		
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	646,220,598	561,289,241
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	1,791,297,227	2,218,773,948
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	5,559,805,009	8,386,698,844
Công ty TNHH Container Minh Thành	1,258,530,920	682,051,981
Công ty TNHH Thời Trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	-	31,074,208
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	1,719,351,110	1,374,770,505
Cộng	10,975,204,864	13,254,658,727
c. Cổ tức trả cho chủ sở hữu	<u>Từ 01/01/2014</u> <u>đến 30/06/2014</u>	<u>Từ 01/01/2013</u> <u>đến 30/06/2013</u>
Dùng để trả cổ tức cho cổ đông, Công ty mẹ	12,699,515,864	6,321,460,600

VIII Thông tin khác

33 Thông tin so sánh:

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2013 của đơn vị đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội.

34 Thông tin về tính hoạt động liên tục

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải khẳng định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh trong các năm tài chính tiếp theo.

35 Thông tin khác

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do sự áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo các cách khác nhau. Vì vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

Người lập

Kế toán trưởng




Nguyễn Thu Thủy

Nguyễn Thu Thủy



Bùi Chí Hùng

PHỤ LỤC 01 A:

TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: Đồng

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá tài sản cố định					
Số dư đầu năm		31,348,182	13,847,373,207	84,565,366	13,963,286,755
- Mua trong kỳ					-
- XDCB hoàn thành		-	-	-	-
- Tăng khác	-				-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác	-				-
Số dư cuối kỳ	-	31,348,182	13,847,373,207	84,565,366	13,963,286,755
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm		14,803,308	5,744,789,394	59,057,789	5,818,650,491
- Khấu hao trong kỳ		5,224,697	711,887,966	4,372,727	721,485,390
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác	-				-
Số dư cuối kỳ	-	20,028,005	6,456,677,360	63,430,516	6,540,135,881
Giá trị còn lại của TSCĐ					
- Tại ngày đầu năm	-	16,544,874	8,102,583,813	25,507,577	8,144,636,264
- Tại ngày cuối kỳ	-	11,320,177	7,390,695,847	21,134,850	7,423,150,874

PHU LUC 02:

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Cổ phiếu Quỹ	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
1. Số dư đầu năm trước	128,700,000,000	9,615,359,500	177,909,956	(982,776,400)	38,901,772,468	176,412,265,524
Tăng vốn trong năm trước						-
Lãi trong năm trước			-		27,270,867,540	27,270,867,540
Tăng khác			47,624,082		-	47,624,082
Giảm vốn trong năm trước	-		-		-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-		-	-
Giảm khác	-	-	-	1,542,013,500	15,938,174,740	17,480,188,240
						-
2. Số dư cuối năm trước	128,700,000,000	9,615,359,500	225,534,038	(2,524,789,900)	50,234,465,268	186,250,568,906
3. Số dư đầu năm nay	128,700,000,000	9,615,359,500	225,534,038	(2,524,789,900)	50,234,465,268	186,250,568,906
Tăng vốn trong kỳ này		-				-
Lãi trong kỳ	-	-			12,430,559,868	12,430,559,868
Tăng khác	-	-	111,972,062			111,972,062
Giảm vốn trong kỳ này	-	-				-
Lỗ trong kỳ	-	-				-
Giảm khác	-	-			16,650,836,906	16,650,836,906
						-
4. Số dư cuối kỳ	128,700,000,000	9,615,359,500	337,506,100	(2,524,789,900)	46,014,188,230	182,142,263,930